TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2021/KDTM-ST Ngày 06-4-2021 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây gọi tắt là XBank); địa chỉ trụ sở: Tòa nhà X số M đường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, nơi cư trú: Phường T, quận H, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 774/2020/GUQ-TPB.CMC ngày 24/11/2020); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T); địa chỉ trụ sở: Đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Hữu N - giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T vay vốn tại XBank theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01110611CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 11/6/2011, cụ thể như sau: Hạn mức cho vay 2.800.000.000 đồng; mục đích bổ sung vốn lưu động; thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Theo Hợp đồng tín dụng trên, XBank đã giải ngân cho Công ty T theo các đề nghị giải ngân và giấy nhận nợ sau: Đề nghị giải ngân ngày 11/01/2012 và Giấy nhận nợ số 2 ngày 11/01/2012 số tiền giải ngân: 1.000.000.000 đồng; mục đích: Thanh toán tiền lương tháng 12/2011; thời hạn vay: Từ ngày 11/01/2012 đến ngày 11/06/2012; lãi suất: 23,5%/năm thay đổi theo quy định của XBank; lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Đề nghị giải ngân ngày 03/02/2012 và Giấy nhận nợ số 3 ngày 03/02/2012 số tiền giải ngân: 1.000.000.000 đồng; mục đích: Thanh toán tiền lương tháng 01/2012; thời hạn vay: Từ ngày 03/02/2012 đến ngày 03/08/2012; lãi suất: 22,5%/năm thay đổi theo quy định của XBank; lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Đề nghị giải ngân ngày 07/02/2012 và Giấy nhận nợ số 4 ngày 07/02/2012; số tiền giải ngân: 800.000.000 đồng; mục đích: Thanh toán tiền lương tháng 01/2012; thời hạn vay: Từ ngày 07/02/2012 đến ngày 07/08/2012; lãi suất: 22,5%/năm thay đổi theo quy định của XBank; lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Trong quá trình vay vốn, XBank đã nhiều lần làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện cho Công ty T thanh toán nợ nhưng XBank không nhận được sự hợp tác trả nợ. Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 07/8/2012 là ngày đến hạn trả nợ cuối cùng. Đến nay Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho XBank theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 XBank yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/11/2020 là 9.562.481.232 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì XBank được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại Tổ dân phố 7, phường Nam Hải, quận Hải An, Hải Phòng để thi hành án.

Ngày 22/12/2020 Công ty T đã thanh toán tổng số tiền là 3.062.742.306 đồng, bao gồm tiền gốc là 2.800.000.000 đồng, nợ lãi là 262.742.306 đồng. Các bên đã giải chấp tài sản bảo đảm tho quy định.

Ngày 22/12/2020 XBank có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, và chỉ yêu cầu Công ty T phải thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 22/12/2020 là

6.824.305.768 đồng (trong đó, nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong hạn 48.583.669 đồng, lãi quá hạn 6.665.429.167 đồng, lãi phạt 110.292.932 đồng).

Trước phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ XBank xin rút yêu cầu khởi kiện về phần lãi phạt và đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc Công ty T thanh toán ngay cho XBank tổng số tiền (tạm tính đến ngày 25/02/2021) là 6.714.012.836 đồng, trong đó nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong hạn 48.583.669 đồng, lãi quá hạn 6.665.429.167 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, tuy nhiên đã có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Bị đơn xác nhận việc ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng như XBank trình bày nêu trên là đúng. Xác nhận đến ngày 22/12/2020 Công ty T đã thanh toán tổng số tiền là 3.062.742.306 đồng, bao gồm tiền gốc: 2.800.000.000 đồng, nợ lãi là 262.742.306 đồng. Về số tiền lãi XBank yêu cầu là 6,7 tỷ, công ty không nắm được. Do hiện nay Công ty đang gặp khó khăn nên Công ty đề nghị ngân hàng miễn giảm số lãi tính đến 22/12/2020. Và đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận chứng cứ vắng mặt bị đơn và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn tuy nhiên bị đơn không có ý kiến gì đối với các tài liệu Tòa án thông báo.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu Buộc Công ty T thanh toán ngay cho XBank tổng số tiền là 6.714.012.836 đồng, trong đó nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong hạn 48.583.669 đồng, lãi quá hạn 6.665.429.167 đồng. Bi đơn vắng mặt đã được công bố lời khai có trong hồ sơ.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01110611CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 11/6/2011 và các giấy nhận nợ giữa Công ty T và XBank là hợp pháp, phát sinh quyền nghĩa vụ giữa các bên. Về số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 6.714.012.836 đồng, trong đó nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong hạn 48.583.669 đồng, lãi quá hạn 6.665.429.167 đồng. Bị đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu để chứng minh cho số tiền lãi trên là phù hợp với quy định tại hợp đồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tài phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và cùng có mục đích lợi nhận. Bị đơn là Công ty T có trụ sở tại địa bàn quận Ngô Quyền. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến gì về thời hiệu giải quyết vụ án do đó Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét về thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, tuy nhiên đã có đơn trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trước phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 04/3/2021, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, về phát mại tài sản bảo đảm và rút yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi phạt. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự và mục 7 phần IV giải đáp 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số vấn đề nghiệp vụ, nên trường hợp này được coi là đương sự thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, không cần phải đình chỉ giải quyết về nội dung đương sự rút yêu cầu này.

[5] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 01110611CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 11/6/2011 và 3 lần giải ngân theo: Đề nghị giải ngân ngày 11/01/2012 và giấy nhận nợ số 2 ngày 11/01/2012; đề nghị giải ngân ngày 03/02/2012 và giấy nhận nợ số 3 ngày 03/02/2012; đề nghị giải ngân ngày 07/02/2012 và giấy nhận nợ số 4 ngày 07/02/201202 giữa XBank và Công ty T là hoàn toàn tự nguyện. Xét nội dung các thỏa thuận trong hợp đồng và các giấy nhận nợ đều phù hợp với quy định tại các điều 471, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các Tổ chức tín dụng và các quy định của

Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng, do đó phát sinh nghĩa vụ buộc các bên phải thực hiện.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền 6.714.012.836 đồng, trong đó nợ gốc: 0 đồng, lãi trong hạn 48.583.669 đồng và lãi quá hạn 6.665.429.167 đồng.

[7] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn cung cấp tài liệu là bảng kê số tiền lãi bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến thời điểm 2/3/2021 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01110611CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 11/6/2011 và 3 lần giải ngân theo các giấy nhận nợ số 2 ngày 11/01/2012; số 3 ngày 03/02/2012; số 4 ngày 07/02/2012. Bị đơn vắng mặt tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ về tài liệu chứng cứ trên do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã gửi kết quả phiên họp cho bị đơn biết. Tuy nhiên bị đơn không có ý kiến gì. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

[8] Xét các tài liệu chứng minh về số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là phù hợp với mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng, với số nợ của bị đơn qua từng đợt thanh toán, phù hợp với các quy định về lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, phù hợp với Luật Các Tổ chức tín dụng và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán trả nguyên đơn tổng số tiền 6.714.012.836 đồng, trong đó nợ gốc: 0 đồng, lãi trong hạn 48.583.669 đồng và lãi quá hạn 6.665.429.167 đồng.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Cụ thể bị đơn phải chịu số tiền án phí là: 114.714.013 đồng. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 57.412.000 đồng.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 39,146, 147, 210, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 471, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, 93, 94, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T: Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tiền 6.714.012.836 (sáu tỷ, bảy trăm mười bốn triệu, khôn trăm mười hai nghìn, tám trăm ba mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc: 0 đồng, lãi trong hạn 48.583.669 đồng và lãi quá hạn 6.665.429.167 đồng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01110611CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 11/6/2011và các giấy nhận nợ số 2 ngày 11/01/2012, giấy nhận nợ số 3 ngày 03/02/2012, giấy nhận nợ số 4 ngày 07/02/2012.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Công ty T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 114.714.013 (một trăm mười bốn triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, không trăm mười ba) đồng.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 57.412.000 (năm mươi bảy triệu, bốn trăm mười hai nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006890 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Công ty TNHH T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA DS quận Ngô Quyền;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hậu